

Matching

A	B
1. Hardworking 	▲ a. Biết quan tâm
2. Patient 	▲ b. Biết chia sẻ
3. Sympathetic 	▲ c. Biết vâng lời
4. Being good listener 	▲ d. Biết lắng nghe
5. Tolerant 	▲ e. Biết cảm thông
6. Cooperative 	▲ f. Kiên nhẫn
7. Caring 	▲ g. Hợp tác
8. Easy-going 	▲ h. Khoan dung
9. Helpful 	▲ i. Dễ gần
10. Obedient 	▲ j. Tốt bụng
11. Ready to share 	▲ k. Chăm chỉ